

XÁC ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Thị Thanh Trà¹, ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân², Lâm Hoàng Long¹

¹Trường ĐH TDTT TP.HCM

²Đại Học Kinh tế TP.HCM

Email: tranguyen.vietnam1@gmail.com

Tóm tắt: Mạng xã hội ngày nay đóng vai trò quan trọng trong đời sống học tập và cá nhân của sinh viên. Nhiều sinh viên sử dụng nền tảng này để tìm kiếm thông tin học thuật, tra cứu tài liệu, trích dẫn nguồn tham khảo phục vụ chuyên ngành. Với tốc độ lan truyền thông tin nhanh chóng, mạng xã hội giúp sinh viên cập nhật kịp thời các xu hướng mới và tiếp cận kho tri thức khổng lồ của nhân loại. Tuy nhiên, cũng chính vì là nhóm sử dụng mạng xã hội thường xuyên nhất, sinh viên là đối tượng chịu ảnh hưởng sâu sắc cả tích cực lẫn tiêu cực từ công cụ này đối với việc học tập và đời sống. Số liệu nghiên cứu thu thập trên 689 sinh viên đang tham gia học tập từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 thuộc tất cả các ngành Quản lý TDTT, Y Sinh học TDTT, Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất tại Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh. Phần mềm SPSS được sử dụng cho quá trình phân tích đánh giá thang đo và kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu xác định được 4 nhóm tiêu chí đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh như sau: Thực trạng và tần suất; Mục đích; Ảnh hưởng; Thái độ và nhận thức.

Từ khóa: tiêu chí, ảnh hưởng, mạng xã hội, sinh viên, đại học.

Abstract: Social networks today play an important role in students' academic and personal lives. Many students use this platform to search for educational information, look up documents, and cite reference sources for their majors. With the rapid spread of information, social networks help students update new trends and access the huge knowledge base of humanity. However, because they are the group that uses social networks most frequently, students are deeply affected by both positive and negative effects of this tool on their studies and lives. Research data was collected on 689 students studying from year 1 to year 4 in all majors of Sports Management, Sports Biomedicine, Sports Training, and Physical Education at Ho Chi Minh City University of Sports. SPSS software was used for the process of analyzing and evaluating scales and testing research hypotheses. The research results identified 4 groups of criteria to evaluate the impact of social network usage on learning outcomes of students at Ho Chi Minh City University of Physical Education and Sports as follows: Current situation and frequency; Purpose; Influences; Attitude and awareness.

Keywords: criteria, influence, social network, students, university.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Báo cáo Digital Việt Nam 2025 cung cấp bức tranh toàn cảnh về mức độ tiếp cận và sử dụng các thiết bị và dịch vụ kết nối tại Việt Nam trong năm 2025. Dưới đây là những điểm nổi bật: Kết nối di động: Tổng cộng có 127 triệu kết nối di động đang hoạt động tại Việt Nam vào đầu năm 2025, tương đương 126% tổng dân số. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng một số kết nối này có thể chỉ bao gồm các dịch vụ như thoại và SMS, và một số có thể không bao gồm truy cập internet. Người dùng Internet: Có 79,8 triệu người sử dụng internet tại Việt Nam vào đầu năm 2025, với tỷ lệ thâm nhập trực tuyến đạt 78,8%. Người dùng mạng xã hội: Việt Nam có 76,2 triệu tài khoản mạng xã hội vào tháng 1 năm 2025, tương đương 75,2% tổng dân số.

Số lượng người dùng mạng xã hội: Khoảng 74,5 triệu người, chiếm 74,3% dân số. Tăng thêm 1,8 triệu người so với đầu năm 2024, tương đương mức tăng 2,5%. Mọi người sử dụng mạng xã hội với nhiều mục đích khác nhau như tìm kiếm thông tin, trao đổi, giải trí, học tập, kinh doanh,... ở mọi giới tính, mọi lứa tuổi. Đặc biệt, đối với giới trẻ - thế hệ nắm bắt xu hướng, tinh nhạy trước những đổi mới tiên bộ của xã hội thì việc sử dụng mạng xã hội là một nhu cầu tất yếu. Đa số các bạn trẻ hiện nay, hầu hết đều có cho mình một tài khoản Facebook, Zalo, Instagram, Youtube, TikTok,... Để có thể được tự do bày tỏ những cảm xúc, suy nghĩ của mình, được thể hiện bản thân mình. Theo Global Web Index, số tài khoản mạng xã hội trung bình mà thế hệ Millennials hoặc Gen Z-er có là 8,4 trên toàn thế giới, tăng 75% so với 4,8 tài khoản vào năm 2014 [24]. Có thể khẳng định rằng: “Con người, đặc biệt là giới trẻ không thể sống mà thiếu mạng xã hội”, cụ thể hơn chính là sinh viên.

Mạng xã hội ngày nay đóng vai trò quan trọng trong đời sống học tập và cá nhân của sinh viên. Nhiều sinh viên sử dụng nền tảng này để tìm kiếm thông tin học thuật, tra cứu tài liệu, trích dẫn nguồn tham khảo phục vụ cho chuyên ngành của mình. Ngoài ra, không ít sinh viên tận dụng mạng xã hội như một kênh kinh doanh trực tuyến, vừa tạo thu nhập, vừa tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực thương mại điện tử. Với tốc độ lan truyền thông tin nhanh chóng, mạng xã hội giúp sinh viên cập nhật kịp thời các xu hướng mới và tiếp cận kho tri thức khổng lồ của nhân loại. Tuy nhiên, cũng chính vì là nhóm sử dụng mạng xã hội thường xuyên nhất, sinh viên là đối tượng chịu ảnh hưởng sâu sắc cả tích cực lẫn tiêu cực từ công cụ này đối với việc học tập và đời sống.

Trường Đại học Thể dục thể thao (TĐTT) Thành phố Hồ Chí Minh là trường trọng điểm phía Nam về đào tạo thể dục thể thao, vì vậy các sinh viên tại đây sẽ ít nhiều hiểu biết và quan tâm nhiều hơn về các vấn đề xã hội, mạng xã hội sẽ là một kênh quan trọng cho các sinh viên tại đây trong việc tìm hiểu các tin tức cập nhật mới nhất về tình hình thể thao trong và ngoài nước.

Từ những phân tích trên, tiến hành nghiên cứu: “*Xác định các tiêu chí đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học TĐTT thành phố Hồ Chí Minh*”. Thông qua việc xác định các tiêu chí đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến kết quả học tập và tìm hiểu thực trạng việc sử dụng mạng xã hội của sinh viên Trường Đại học TĐTT Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đề xuất những biện pháp phù hợp giúp phát huy những ảnh hưởng tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học TĐTT Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý và các sinh viên để giúp xác định các tiêu chí đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại

học thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát 689 sinh viên đang tham gia học tập tại Trường Đại học TĐTT Thành phố Hồ Chí Minh.

Khách thể nghiên cứu: 689 sinh viên đang tham gia học tập từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 thuộc tất cả các ngành Quản lý TĐTT, Y Sinh học TĐTT, Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất tại Trường Đại học TĐTT Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, chiếm số lượng nhiều nhất là sinh viên đang học “Năm 4” có 208 sinh viên tham gia khảo sát (chiếm 30%). Xếp thứ 2 là sinh viên đang học “Năm 2” và sinh viên đang học “Năm 3” có 165 sinh viên tham gia khảo sát (chiếm 24%). Còn lại sinh viên đang học “Năm 1” có số sinh viên tham gia ít nhất với 151 sinh viên (chiếm 34.60%).

Phạm vi nghiên cứu: Các nền tảng mạng xã hội

Thời gian nghiên cứu: Thời gian khảo sát vào tháng 03 năm 2025.

Thang đo: Để xác định các tiêu chí đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên, các biến quan sát được đo lường bằng thang đo Likert từ 1 đến 5. Thang đo Likert sử dụng các lựa chọn, cho phép phân vùng phạm vi cảm nhận, đánh giá, cụ thể như: bảng 1. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS để xác định hệ số Cronbach's Alpha và thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA (exploratory factor analysis) để đánh giá, kiểm định thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát. Cuối cùng, sau khi các biến rác được loại và thang đo có độ tin cậy cao.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở lý thuyết

Với cách tiếp cận từ góc nhìn các mô hình lý thuyết và các công trình nghiên cứu có liên quan: Lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior - TPB), Ajzen (1991) [10] đề xuất rằng hành vi của con người bị chi phối bởi: Thái độ đối với hành vi (sinh viên nghĩ gì về việc sử dụng mạng xã hội); Chuẩn mực xã hội chủ quan (quan điểm và ảnh hưởng từ bạn bè, nhóm học tập), Nhận thức kiểm soát hành vi (khả năng tự điều chỉnh việc sử dụng mạng xã hội). Lý thuyết TPB phù hợp để đo lường thái độ, động cơ, khả năng kiểm soát và hành vi sử dụng mạng xã hội trong học tập. Trong thang đo, các mục hỏi về nhận thức, tự kiểm soát, thói quen và thái độ phản ánh rõ lý thuyết này (Tiêu chí nhận thức và thái độ). Lý thuyết sử dụng và thỏa mãn (Uses and Gratifications Theory - U&G, Katz, Blumler và Gurevitch (1973) [12] cho rằng người dùng chủ động lựa chọn phương tiện truyền thông để thỏa mãn các nhu cầu cá nhân, như: Giải trí, Giao tiếp xã hội, Học tập và tìm kiếm thông tin trong bối cảnh sinh viên, lý thuyết U&G giúp lý giải mục đích sử dụng mạng xã hội: cập nhật tin tức, chia sẻ học tập, thư giãn,... Điều này được phản ánh trong các câu hỏi thuộc (Tiêu chí mục đích sử dụng). Lý thuyết quá tải nhận thức và gián đoạn (Cognitive Load & Distraction Theory): Theo các nghiên cứu của Sweller (1988) và Ophir et al. (2009) [14], khi người học phải tiếp nhận quá nhiều thông tin hoặc bị gián đoạn bởi tác nhân bên ngoài (như thông báo từ mạng xã hội), khả năng tập trung và hiệu quả học tập sẽ giảm. Việc thường xuyên kiểm tra mạng xã hội, sử dụng trong lúc học hoặc dành nhiều thời gian cho mạng xã hội có thể làm gián đoạn quá trình học tập và ghi nhớ kiến thức. Phần tần suất sử dụng (Tiêu chí thực trạng và tần suất) và tác động học tập (Tiêu chí ảnh hưởng) được xây dựng dựa trên lý thuyết này.

Một số nghiên cứu trong nước: Hoàng Anh (2014) [1], Thực trạng sử dụng facebook của sinh viên trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM. Viện Sư phạm Kỹ thuật - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Duy Lạc, Nguyễn Duy, Phạm Bửu Linh, Phạm

Bừu & Lê Minh Khang (2014) [5], Mạng xã hội. Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh; Trần Hữu Luyến, Trần Hữu, Trần Thị Minh Đức & Bùi Thị Hồng Thái (2015) [6]. Mạng xã hội với sinh viên. Nguyễn Thị Tuyết Mai & Nhâm Phong Tuấn (2014) [8], Nghiên cứu ứng dụng mạng xã hội Facebook trong việc hỗ trợ đổi mới giảng dạy tại trường đại học; Nguyễn Lan Nguyên (2020) [7], Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội Facebook đến học tập và đời sống của sinh viên hiện nay. Vy Tiến Đạt, Trần Minh Hạnh & Nguyễn Anh Hùng (2009) [2]. Nghiên cứu mạng xã hội ứng dụng xây dựng một mạng xã hội tại Việt Nam; Nguyễn Duy Mộng Hà (2010) [3], Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh; Lê Trần Lan Hương (2013) [4], Thực trạng sử dụng mạng xã hội của sinh viên đại học khu vực Hà Nội hiện nay.

Một số nghiên cứu quốc tế cũng là nền tảng cho thang đo: Junco (2012) [21]: Tần suất sử dụng Facebook có liên quan đến thời gian học tập và GPA. Kirschner & Karpinski (2010) [23]: Sinh viên dùng Facebook có điểm GPA thấp hơn sinh viên không dùng. Paul, Baker & Cochran (2012) [25]: Mức độ sử dụng mạng xã hội có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập nếu thiếu kiểm soát. Các nghiên cứu này cho thấy mối liên hệ rõ ràng giữa tần suất, mục đích sử dụng và hiệu quả học tập, từ đó giúp xây dựng thang đo phù hợp với bối cảnh sinh viên Việt Nam.

Thang đo đề xuất gồm 15 biến quan sát được hình thành từ các nguồn: cơ sở lý thuyết đề tài nghiên cứu trước, được trình bày trong bảng 3.1. Tuy nhiên, do đặc thù của từng đối tượng nghiên cứu khác nhau nên thang đo này cần được điều chỉnh và kiểm định để phù hợp với điều kiện thực tế. Cụ thể, các thành phần được trình bày chi tiết trong bảng 1 như sau:

Bảng 1. Nội dung thang đo tiêu chí đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội

TT	Các tiêu chí	Mã hóa	Nội dung
1	Thực trạng và tần suất	TTTS1	Bạn sử dụng mạng xã hội mỗi ngày
2		TTTS2	Bạn thường xuyên sử dụng mạng xã hội trong lúc học
3		TTTS3	Bạn dành hơn 2 giờ mỗi ngày cho mạng xã hội
4		TTTS4	Bạn thường kiểm tra mạng xã hội trong giờ học
5	Mục đích	MD1	Bạn dùng mạng xã hội để cập nhật tin tức
6		MD2	Bạn sử dụng mạng xã hội để tra cứu tài liệu học tập
7		MD3	Bạn thường sử dụng mạng xã hội giúp trao đổi học tập thuận tiện hơn không
8		MD4	Bạn chủ yếu sử dụng mạng xã hội để giải trí (chơi game, lướt Web,...v.v)
9	Ảnh hưởng	AH1	Việc sử dụng mạng xã hội ảnh hưởng đến kết quả học tập của bạn
10		AH2	Việc sử dụng mạng xã hội làm bạn mất tập trung khi học
11		AH3	Việc sử dụng mạng xã hội hỗ trợ bạn hoàn thành bài tập tốt hơn
12		AH4	Việc sử dụng mạng xã hội khiến bạn bị áp lực đối với việc học tập

TT	Các tiêu chí	Mã hóa	Nội dung
13	Nhận thức và thái độ	NTTD1	Bạn nhận thức được tác hại của việc lạm dụng mạng xã hội khi học
14		NTTD2	Bạn cố gắng giới hạn thời gian dùng mạng xã hội để không ảnh hưởng việc học
15		NTTD3	Bạn thấy khó kiểm soát thói quen sử dụng mạng xã hội

2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của tiêu chí

- Kết quả đánh giá độ tin cậy của tiêu chí bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho 4 tiêu chí với 15 biến quan sát, các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6. Các biến quan sát đều có hệ số tương quan với biến tổng > 0,3; nên các thang đo và các biến quan sát đều đạt yêu cầu (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) [15] (Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha các biến quan sát trong từng nhóm

TT	Nhân tố	Biến	Tương quan biến tổng	Alpha nếu loại biến
1	Thực trạng và tần suất	TTTS1	0,674	0,898
		TTTS2	0,731	0,890
		TTTS3	0,760	0,886
		TTTS4	0,755	0,887
2	Mục đích	MD1	0,639	0,895
		MD2	0,657	0,892
		MD3	0,626	0,896
		MD4	0,746	0,883
3	Ảnh hưởng	AH1	0,629	0,885
		AH2	0,647	0,882
		AH3	0,616	0,886
		AH4	0,736	0,873
4	Nhận thức và thái độ	NTTD1	0,698	0,889
		NTTD2	0,664	0,894
		NTTD3	0,772	0,878

(Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát)

Bảng 3. Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha tổng hợp của các tiêu chí

TT	Tiêu chí đo lường	Số biến quan sát			Cronbach's Alpha
		Trước khi kiểm định	Sau khi kiểm định	Biến quan sát loại trừ khỏi thang đo lường	
1	Thực trạng và tần suất	4	4	0	0,901
2	Mục đích	4	4	0	0,906
3	Ảnh hưởng	4	4	0	0,872

TT	Tiêu chí đo lường	Số biến quan sát			Cronbach's Alpha
4	Nhận thức và thái độ	3	3	0	0,896
Tổng cộng		15	15	0	

(Nguồn: Kết quả phân tích số lượng khảo sát)

- Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

*** Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA các nhân tố độc lập**

Kết quả Cronbach's Alpha cho thấy 4 tiêu chí với 15 biến quan sát đo lường ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đạt yêu cầu về độ tin cậy. Vì vậy, các biến quan sát trong 4 tiêu chí này được tiếp tục đánh giá bằng EFA. Kết quả phân tích EFA bao gồm các nội dung chi tiết như sau:

Bảng 4. Kiểm định KMO và Bartlett các nhóm tiêu chí

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)		,846
Kiểm định Bartlett của thang đo	Giá trị chỉ bình phương	8284,435
	df	105
	Sig.- mức ý nghĩa quan sát	,000

(Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát)

Hệ số KMO = 0.846, hệ số này đã thỏa mãn điều kiện $0.5 \leq KMO \leq 1$. Kết quả này chỉ ra rằng các biến quan sát trong tổng thể có mối tương quan với nhau và phân tích nhân tố EFA được chấp thuận với dữ liệu nghiên cứu.

Bảng 5. Bảng Eigenvalues và phương sai trích của tiêu chí ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội

Component	Initial Eigenvalues		
	Total	% of Variance	Cumulative %
1	3,276	15,844	15,844
2	3,146	15,196	30,905
3	2,943	14,181	44,952
4	2,499	11,959	69,007

Kiểm định Bartlett's (Sig. = 0,000 < 0,005), phân tích tiêu chí là phù hợp. Giá trị Eigenvalues = 2,499 > 1 và tổng phương sai trích với phương pháp rút trích, phân tích tiêu chí đã trích được 04 tiêu chí từ 15 biến quan sát và với phương sai trích là 69,007% > 50% nên đạt yêu cầu.

Bảng 6. Ma trận xoay nhân tố

Biến quan sát	Nhóm tiêu chí				
	1	2	3	4	5
Các biến độc lập					
TTTS1	,907				
TTTS2	,903				

TTTS3	,896				
TTTS4	,856				
MD1		,784			
MD2		,755			
MD3		,608			
MD4		,602			
AH1			,736		
AH2			,728		
AH3			,726		
AH4			,666		
NTTD1				,672	
NTTD2				,643	
NTTD3				,621	

(Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá các biến đều có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0,5. Các biến đạt giá trị hệ số nhân tố $> 0,5$ nên tiếp tục đưa vào phân phân tích nhân tố. Kết quả kiểm định Bartlett và chỉ số KMO cũng chứng tỏ mô hình phân tích nhân tố là phù hợp và các biến quan sát có tương quan chặt chẽ với nhau. Điều này cho thấy kết quả phân tích EFA là hoàn toàn thích hợp. Dựa vào kết quả bảng ma trận xoay các nhân tố ở bảng 3.5 được sử dụng để nhóm các biến đạt yêu cầu với hệ số tải nhân tố $> 0,5$.

Các nhân tố độc lập được phân thành 4 nhóm tiêu chí cụ thể như sau:

- **Nhóm tiêu chí Thực trạng và tần suất:** gồm 04 biến như sau: Bạn sử dụng mạng xã hội mỗi ngày (TTTS1); Bạn thường xuyên sử dụng mạng xã hội trong lúc học (TTTS2), Bạn dành hơn 2 giờ mỗi ngày cho mạng xã hội (TTTS4); Bạn thường kiểm tra mạng xã hội trong giờ học (TTTS4)

- **Nhóm tiêu chí Mục đích** gồm 04 biến: Bạn dùng mạng xã hội để cập nhật tin tức (MD1), Bạn sử dụng mạng xã hội để tra cứu tài liệu học tập (MD2); Bạn thường sử dụng mạng xã hội giúp trao đổi học tập thuận tiện hơn không (MD3); Bạn chủ yếu sử dụng mạng xã hội để giải trí (chơi game, lướt Web,...v.v) (MD4)

- **Nhóm tiêu chí Ảnh hưởng** gồm 04 biến: Việc sử dụng mạng xã hội ảnh hưởng đến kết quả học tập của bạn (AH1). Việc sử dụng mạng xã hội làm bạn mất tập trung khi học (AH2); Việc sử dụng mạng xã hội hỗ trợ bạn hoàn thành bài tập tốt hơn (AH3); Việc sử dụng mạng xã hội khiến bạn bị áp lực đối với việc học tập (AH4)

- **Nhóm tiêu chí Thái độ và nhận thức:** gồm 03 biến: Bạn nhận thức được tác hại của việc lạm dụng mạng xã hội khi học (NTTD1); Bạn cố gắng giới hạn thời gian dùng mạng xã hội để không ảnh hưởng việc học (NTTD2); Bạn thấy khó kiểm soát thói quen sử dụng mạng xã hội (NTTD3).

KẾT LUẬN

Qua các bước nghiên cứu, đã xác định được các tiêu chí đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học TDTT thành phố Hồ Chí Minh như sau: Nhóm tiêu chí Thực trạng và tần suất (TTTS) gồm 04 biến; Nhóm tiêu chí Mục

đích (MD) gồm 04 biến; Nhóm tiêu chí Ảnh hưởng (AH) gồm 04 biến; Nhóm tiêu chí Thái độ và nhận thức (NTTĐ) gồm 03 biến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Anh (2014). *Thực trạng sử dụng facebook của sinh viên trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM*. Viện Sư phạm Kỹ thuật - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Vy Tiến Đạt, Trần Minh Hạnh & Nguyễn Anh Hùng (2009). *Nghiên cứu mạng xã hội ứng dụng xây dựng một mạng xã hội tại Việt Nam*. Đồ án tốt nghiệp, Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3]. Nguyễn Duy Mộng Hà (2010). *Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ, tập 13, số X2 - 2010.
- [4]. Lê Trần Lan Hương (2013). *Thực trạng sử dụng mạng xã hội của sinh viên đại học khu vực Hà Nội hiện nay*. Luận văn thạc sỹ báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- [5]. Nguyễn Duy Lạc, Nguyễn Duy, Phạm Bửu Linh, Phạm Bửu & Lê Minh Khang (2014). *Mạng xã hội*. Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6]. Trần Hữu Luyến, Trần Hữu, Trần Thị Minh Đức & Bùi Thị Hồng Thái (2015). *Mạng xã hội với sinh viên*. Viện Hàn lâm Khoa học Xã Hội Việt Nam, Viện nghiên cứu con người.
- [7]. Junco, R. (2012), *Too much face and not enough books: The relationship between multiple indices of Facebook use and academic performance*. Computers in Human Behavior, 28(1), 187-198.
- [8]. Katz, E., Blumler, J. G., & Gurevitch, M. (1973), *Uses and gratifications research*.
- [9]. Paul, J.A., Baker, H.M., & Cochran, J. D. (2012), *Effect of online social networking on student academic performance*. Computers in Human Behavior, 28(6), 2117–2127.
- [10]. Sweller, J. (1988), *Cognitive load during problem solving: Effects on learning*. Cognitive Science.

Bài nộp ngày 16/02/2025, phản biện ngày 28/5/2025, duyệt in ngày 25/6/2025